

Con đường gốm sứ và tơ lụa Việt Nam trên biển Đông

Nguyễn Đình Đầu

Trong khi nghiên cứu chủ quyền Việt Nam trên Biển Đông và hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa, tôi mới có ý tưởng viết đề tài *Con đường gốm sứ và tơ lụa Việt Nam trên Biển Đông*. Đây là một đề tài vừa phong phú vừa phức tạp. Khó khăn đối với tôi - một người không chuyên về bảo tàng hay khảo cổ học.

Khoảng đầu những năm 1960 thế kỷ trước, tôi thường đến đọc sách của thư viện hội Société des Études Indochinoises (Hội Nghiên cứu Đông Dương) - Nay là Bảo tàng Lịch sử Việt Nam - TP.HCM. Khi ấy Hội còn bán

sách báo có đề tài liên quan đến hội. Một hôm tôi mua được cuốn R.Y Lefebvre d'Argencé. *Les Céramiques à base chocolatée* (Gốm sứ có trộn bột màu nâu sôcôla). Tạp chí Viện Viễn Đông bác cổ Pháp ấn hành tại Paris - 1958.

Argencé nghiên cứu 31 hiện vật cổ Việt Nam có trộn được tô men màu nâu sôcôla trong Bảo tàng Viện Viễn Đông của Pháp ở Hà Nội. Tôi tò mò đi tìm xem mấy tiệm bán đồ cổ của người Hoa ở Sài Gòn có cổ vật đặc thù ấy không. Có lẽ chưa ai biết loại gốm đó, nên họ bán rất rẻ. Tôi liền mua và hiện trong sưu tập

cổ vật của tôi có trên 30 hiện vật quý hiếm đó. Trong sách khảo cứu công phu ấy, Argencé cũng chưa biết loại gốm đặc biệt này xuất xứ từ đâu và lò nung ở địa phương nào. Trộn hiện vật được chăm sóc và bột men như vậy có ý nghĩa gì?

Năm 1972, Pierre-Yves Manguin cho ra tác phẩm *Les Portugais sur les côtes du Việt Nam et du Campã* ấn hành tại Paris Pháp. Nơi các trang 42-45 có bài của Tomé Pires viết về nước Giao Chỉ rõ ràng cả Chính trị - Văn hóa - Kinh tế ở thời điểm 1523.

Trong tạp chí *Viện Khảo Cổ*



Gốm Chu Đậu

học Hà Nội - 1995 có bài của Phạm Quốc Quân với nhan đề "Những phát hiện mới về Khảo Cổ học năm 1994. Về những dấu son (chocolate) ở trên đồ gốm".

Ngoài những công chức nhà nước trong các Bảo tàng cổ vật hay Viện Khảo cổ học, còn có các nhà sưu tập đồ cổ tư nhân như nhà nghiên cứu Hồ Tấn Phan ở Huế là đáng kể. Tạp chí *Heritage* do Hàng Không Việt Nam ấn hành số tháng 5-6 năm 2008 đăng bài "Tiếng vọng ngày xưa từ đáy sông" với hình ảnh rất đẹp của 3 - 4 tủ kính chứa đựng hàng trăm cổ vật nguyên lành và một bao bố thu gom các mảnh vỡ cổ vật mà đa phần là các cổ vật có họa men màu nâu (sôcôla) ở dưới trôn.

Năm 1976, Roxanna M. Brown phát hành sách *The ceramics of South - East Asia. Their Dating and Identification* (Gốm sứ tại Đông Nam Á. Niên đại và căn tính). Đông Nam Á gồm các lò nung Việt Nam, Chăm, Khmer, Sawankhlor (Thái Lan). Tác giả mô tả gốm Việt Nam phong phú hơn cả. Đặc biệt giới thiệu trong Bảo tàng Topkapu Sarayi Museum Istanbul (Thổ Nhĩ Kỳ) có một Bình cổ ghi một dòng chữ Hán: *Thái Hòa bát niên Nam Sách châu tượng nhân Bùi thị hỷ bút*. Hiện có hai cách dịch: 1) Người thợ họ Bùi vẽ chơi. 2) Do nghệ nhân Bùi Thị Hỷ vẽ - Cách dịch thứ nhất đúng hơn.

Ngày 10-6-1980, ông Makoto Anabuki, một nhà ngoại giao Nhật viết thư cho ông Ngô Duy Đông, Bí thư tỉnh ủy Hải Hưng (khi hội nhập hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên) về ý nghĩa ghi trên cổ vật. Từ đây chính quyền Hải Dương và các nhà sưu tập đồ cổ mới quan tâm đến việc khai quật hiện vật cổ và các lò nung trên địa bàn Hải Dương.

Khoảng những năm đầu 1990, dân đánh cá tỉnh Quảng Nam kéo lưới thấy đồ cổ và đem bán cho các nhà sưu tập. Đến năm 1997, chính quyền mới trao cho một tổ chức chuyên gia Việt

Nam và nhiều công ty ngoại quốc có kinh nghiệm khai quật di chỉ dưới biển. TS Phạm Quốc Quân - Giám đốc Bảo tàng Lịch sử Việt Nam được chỉ định làm Giám đốc tổ hợp này.

"Theo tổng kết của TS. Quân cuộc khai quật tàu đắm gần Cù lao Chàm có ít nhất sáu kỷ lục. Đó là cuộc khai quật tốn kém nhất (hơn 6 triệu USD), kéo dài nhất (trong 4 năm), huy động nhiều nhà nghiên cứu nhất (chừng 40 nhà nghiên cứu trong và ngoài nước), dùng thiết bị tối tân và hiện đại nhất, khai quật ở độ sâu nhất (hơn 70m) và số lượng hiện vật nhiều nhất (hơn 240.000).

"Đặc biệt là con tàu đắm ở Cù lao Chàm... Với 18 nước hợp tác trực vớt trong 2 năm (1998-2000) đã trực vớt được từ trong con tàu đắm này hơn 40 vạn cổ vật gốm sứ Chu Đậu thế kỷ XV. Trong hơn 40 vạn cổ vật đó có 27 vạn cổ vật còn lành, ngoài phần lưu lại cho Việt Nam 10% thì 24 vạn cổ vật mà tập đoàn trực vớt được đã mang về San Francisco và Los Angeles ở Mỹ để bán đấu giá. Theo số liệu thống kê của nhà bán đấu giá ở Mỹ, cổ vật giá thấp nhất cũng không dưới 1.000 USD, có chiếc bình gốm tỷ bà cổ Chu Đậu cao 24cm được các nhà sưu tầm kiên quyết tranh mua, đẩy giá lên tới 512.000 USD".

Từ đây sự kiện gốm Chu Đậu được nghiên cứu và xác định rõ ràng. Gốm Chu Đậu được xem như một giai đoạn lịch sử sản xuất công nghiệp, sản xuất di sản cao cấp nhất của lịch sử 2.000 năm đất nước ta. Năm 2006, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam và Viện Khảo cổ học xuất bản sách *Hoàng thành Thăng Long*. Trong sách có nhiều hình ảnh di vật Lý, Trần và Lê sơ. Di vật đời Lê sơ là phong phú hơn cả. Mười tám di vật Chu Đậu đời Lê sơ trong các trang 85, 86, 91, 92, 95, 97.

Tất cả những di vật Lê sơ nghiên cứu kỹ thì hoàn toàn là

đồ Chu Đậu. Sau sự kiện của nhà ngoại giao Nhật gửi cho ông Bí thư tỉnh ủy Hải Hưng, các nhà cầm quyền địa phương mới thiết lập Bảo tàng tỉnh Hải Dương mà Giám đốc là TS. Tăng Bá Hoành và tổ chức các đợt khai quật di chỉ.

TS. Tăng Bá Hoành viết: Năm 1983, di tích gốm Chu Đậu được phát hiện, năm 1986 bắt đầu khai quật vào năm 1993, lần đầu tiên công trình nghiên cứu *Gốm Chu Đậu* được xuất bản (Tăng Bá Hoành).

"Từ năm 1986-1991, trải qua năm cuộc khai quật khảo cổ ở làng Chu Đậu, dù tổng diện tích chỉ 140,5m² và thám sát khảo cổ 19m² đã thu được hàng vạn mảnh vỡ hiện vật và những công cụ sản xuất gốm sứ.

Đó là kết quả ngoài mong đợi của ông Hoành và cộng sự, xác định được ngôi làng nhỏ nằm ven sông Thái Bình này là một trung tâm sản xuất gốm sứ lớn mà hiện vật lan tỏa khắp thế giới Đông - Tây một thời.

Đồng thời với sự kiện đó là việc mở rộng địa bàn diên dã, khảo sát, các nhà nghiên cứu liên tục đi từ bát ngời này đến bát ngời khác khi phát hiện thêm 13 điểm có trầm tích gốm sứ. Bao gồm: Trại Diên, Vạn Yên, Trụ Thượng, Kiệt Đoài, Làng Gốm thuộc huyện Chí Linh, Linh Xá, Quao thuộc huyện Nam Sách; Phúc Lão, Làng Ngói, Làng Cây, Bá Thủy, Hợp Lễ thuộc huyện Bình Giang...

Nghiên cứu Gốm Chu Đậu nở rộ. Các sách báo viết về đề tài này khá phong phú. Tác giả Việt Nam cho ra đời những sản phẩm sâu sắc, nhưng bản in thường ít mỹ thuật. Cuốn sách *Gốm Chu Đậu* của TS. Tăng Bá Hoành rất công phu. Đặc biệt là những trang ghi hình hiện vật với màu sắc trung thực và bắt mắt. Những sách nghiên cứu do tác giả ngoại quốc thực hiện thường rất chu đáo. Tôi thấy hai tác giả John Stevenson và John (Xem tiếp trang 65)

Về bài thơ sám hối của một ông vua

“**D**ạ vũ” (Mưa đêm) là một trong những thi phẩm xuất sắc, được nhắc đến nhiều nhất trong cõi thơ Trần Minh Tông – hoàng đế, thi sĩ thời Trần. Bài thơ như sau:

Phiên âm:

*Thu khí hòa đăng thất thất minh
Bích tiêu song ngoại đệ tàn canh
Tự tri tam thập niên tiên thác
Khẳng bả nhân sâu đối vũ thanh.*

Dịch nghĩa:

Hơi thu hòa vào ngọn đèn làm mờ đi ánh sáng ban mai,

Giọt mưa trên tàu chuối xanh ngoài cửa sổ tiền canh tàn.

Tự biết sai lầm của mình ba mươi năm trước,
Đành ôm nỗi sâu ngời nghe mưa rơi⁽¹⁾.

Dễ thấy, thi phẩm của Trần Minh Tông viết về một đề tài rất quen thuộc trong thơ phương Đông nói chung và thơ Việt nói riêng: Nỗi buồn đêm mưa. Chỉ riêng trong thơ Việt, cả trung đại lẫn hiện đại, đề tài ấy đã gợi cảm xúc cho nhiều thi nhân, tạo nên những vần thơ tuyệt bút. Với

Nguyễn Trãi là “Tiêu hao kinh khách chắm! / Điểm trích số tàn canh” (Tiếng náo nùng làm kinh động gối khách/ Giọt thánh thót suốt mấy canh tàn)⁽²⁾, “Thu phong lạc điệp ki tình tứ/ Dạ vũ thanh đăng khách mộng hồn” (Lá rụng trong gió thu gợi tình tứ/ Đêm mưa ánh đèn leo lét khiến khách thả hồn vào mộng)⁽³⁾. Với Huy Cận là “Đêm mưa làm nhớ không gian / Lòng run thêm lạnh nỗi hàn bao la... / Tai nương nước giọt mái nhà/ Nghe trời nặng nặng, nghe ta buồn buồn”⁽⁴⁾. Với Nguyễn Bính là “Mưa mai mưa hoài mưa dứt rứt/ Đêm dài đăng đăng đêm bao la...”⁽⁵⁾.

Nhìn chung, dù người đối cảnh đang ở trong một cảnh ngộ, trạng huống như thế nào thì tiếng mưa đêm cũng thường gợi niềm cô tịch. Giữa cái vắng vẻ, tịch lặng của đêm; từng giọt mưa thánh thót rơi như điểm vào không gian và điểm cả vào lòng người những giọt buồn trĩu nặng. Trong “Dạ vũ” của Trần Minh Tông, trên cả nỗi buồn, nỗi cô đơn, tiếng mưa đêm còn xoáy vào lòng người bao nhiêu dằn vặt, ăn năn vì những lỗi lầm của 30 năm trước.

Câu thơ đầu tiên “Thu khí hòa đăng thất thất

Con đường gốm sứ... (Tiếp theo trang 60)

Guy chủ biên sách *Vietnamese ceramics A. separato tradition* là phong phú và hiện đại hơn cả.

John Guy đã viết hẳn một chương nhân dịp phát hiện con tàu đắm ở cửa biển Đại Chiêm với nhan đề: *Gốm sứ Việt Nam – những khám phá mới*.

Menson Bound – Giám đốc khảo cổ báo cáo về con tàu đắm ở Hội An với phương tiện tối tân và hiện đại cùng những máy móc chuyên môn khám phá cổ vật dưới bể sâu.

Tuy nhiên những sách báo đó không nói đến bối cảnh chính trị - văn hóa – công nghiệp của xã hội đương thời; thậm chí cả bối cảnh khu vực và thế giới.

Tôi thiên nghĩ nên biết tình hình thế giới lúc ấy có phong trào Tây phương tìm hiểu những vùng đất mới để thiết lập thuộc địa hay truyền bá đức tin. Christophe

Colomb bất ngờ khám phá ra Tân thế giới năm 1492. Vasco de Gama mở đường biển sang Viễn Đông qua mũi Hảo Vọng và Ấn Độ Dương năm 1497. Tại Việt Nam đương thời có Nguyễn Trãi và Lê Thánh Tông là hai nhân vật góp phần bảo vệ và xây dựng đất nước tuyệt vời.

Những tư liệu trên đã thừa nhận Gốm sứ Chu Đậu chủ yếu là sản phẩm xuất khẩu. Khi tôi nghiên cứu chủ quyền Việt Nam trên Biển Đông, tôi đã sử dụng tài liệu của sách *Les Portugais sur les côtes du Vietnam et du Champa* của tác giả Pierre - Yves Manguin in tại Paris năm 1972. Trang 42 có bài *Royaume de Cauchy Chyna* của Tomé Pires. Bài này ngắn gọn nhưng nói về nước Giao Chỉ rõ ràng đủ mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng,

ngoại thương (xuất khẩu gốm sứ và tơ lụa tới những đâu). Chính chương này gợi ý tôi viết *Con đường gốm sứ và tơ lụa của Việt Nam trên Biển Đông*. Theo những văn kiện vừa kể, tôi thấy con đường thương mại ấy chỉ tồn tại hai thế kỷ XV và XVI, nhưng khi nghiên cứu trực tiếp gốm sứ, tôi mới biết là Con đường ấy tồn tại tới bốn thế kỷ XIII, XIV, XV, XVI.

Bối cảnh của Đại Việt đương thời rất văn minh và là một giai đoạn sáng chói của Tổ quốc. Tôi nghĩ hai nhân vật Nguyễn Trãi và Lê Thánh Tông tiêu biểu nhất cần phải tìm hiểu thêm.

Tôi đã già yếu khi hoàn thành tác phẩm này. Chắc còn nhiều điều thiếu sót, xin quý bạn đọc chỉ bảo cho. Tôi thành thực cảm ơn. ■